

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 9 - 2025

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhàn

2. Ông Dương Văn Lũy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: ông Đinh Văn H (T), sinh năm 1973.

Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số: 089073002021, Số điện thoại: 0364.442.828;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Văn H (Tròn) là Luật sư Quách Thanh P, sinh năm 1977 – Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh A;

Nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

(ông H xin vắng mặt, Luật sư P, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn ông Đinh Văn H trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc B tìm hiểu, quen biết nhau một thời gian đến năm 1999 chung sống như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 672 ngày 31/12/2002. Thời gian đầu sống chung với gia đình bà B, đến khoảng năm 2003 thì vợ chồng mua nhà ra ở riêng, sau đó khoảng 05 năm làm ăn thua lỗ bán nhà rồi quay về gia đình bà B sinh sống và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sau đó vợ chồng cùng nhau đi làm thuê ở nhiều nơi để mưu sinh, đến tháng 6/2024 thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, cãi vã trong việc chi tiêu sinh hoạt gia đình, liên quan tiền bạc, thiếu tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn từ đó kéo dài không hàn gắn được làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên cả hai đã chính thức ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Sau thời gian ly thân vợ chồng không muốn hàn gắn, không ai chủ động liên lạc, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng cũng không được, nay tình cảm không còn ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Hoàng A, sinh ngày 12/01/2001, hiện đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Quách Thanh P vắng mặt có bài phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà B để tiến hành hòa giải nhưng bà vắng mặt không lý do và không có ý kiến bằng văn bản. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai ông Đinh Văn H1, ông H1 xác định ông H và bà B có mâu thuẫn cự cãi nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay, điều đó thể hiện bà B không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn duy trì cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc B là có lý do chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm chấp nhận.

- Về con chung: ông H với bà B có 01 con chung tên Đinh Hoàng A, sinh ngày 12/01/2001 hiện đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không cần đặt ra xem xét.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên bà B vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, bà B được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông H và bà B theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự. Riêng Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt nhưng có bài phát biểu gửi cho HĐXX và thư ký công bố tại phiên tòa cũng đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn

- Về nội dung: hôn nhân của ông, bà sau thời gian quen biết tìm hiểu, đến năm 1999 chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại U, huyện P. Thời gian đầu sống chung với gia đình bà B, sau đó cùng nhau đi làm thuê ở nhiều nơi rồi xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc chi tiêu trong gia đình, bất đồng quan điểm sống và thiếu sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn từ đó kéo dài không hàn gắn được nên ông bà đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Sau khi ly thân ông, bà không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng cho mình, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông H yêu cầu ly hôn với bà B là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Hoàng A, sinh ngày 12/01/2001, đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết.

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông Đinh Văn H yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, ông có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B được tổng đạt triệu tập lần thứ hai để nghe xét xử nhưng bà vắng mặt không lý do, việc vắng mặt của ông, bà không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt nhưng có bài phát biểu gửi cho HĐXX và thư ký công bố tại phiên tòa cũng đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, nên HĐXX xét xử vắng mặt đương sự và người bảo vệ quyền lợi cho đương sự theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B cư trú tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang, nên ông Đinh Văn H khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: ông Đinh Văn H xin ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông, bà sau thời gian tìm hiểu, quen biết đến năm 1999 hai người chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2002 đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 672 ngày 31/12/2002. Thời gian đầu sống chung với gia đình bà B, sau đó đi làm thuê ở nhiều nơi để kiếm sống, rồi xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, chi tiêu trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống và thiếu sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn từ đó kéo dài không hàn gắn được nên ông bà đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Sau khi ly thân ông bà không chủ động, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H yêu cầu ly hôn với bà B là có căn cứ, cũng phù hợp với lời trình bày của ông Đinh Văn H1, sinh năm 1976 (em ruột của ông H), do đó để ông, bà có cuộc sống riêng sau này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H và ý kiến đề xuất của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Hoàng A, sinh ngày 12/01/2001, đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

[3] Về án phí: ông Đinh Văn H là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đinh Văn H đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

- Về hôn nhân: ông Đinh Văn H được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

- Về con chung: đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân, nên không xem xét.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có yêu cầu giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012196 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang), bà Huỳnh Thị Ngọc B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn L – T

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến